

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2024

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình - xin ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm  
2. Ông Lê Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 29/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình – Xin ly hôn và nuôi con”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 405/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 438/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ B, ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ B, ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T được mai mối, gia đình đồng ý cho tiến đến hôn nhân. Chị H và anh T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận kết hôn số 37/2010 cấp ngày 01 tháng 3 năm 2010.

Chị H và anh T sống với nhau đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T không quan tâm, chăm sóc cho vợ con mà còn ghen tuông, chị H không chịu đựng nổi. Đến năm 2013, mâu thuẫn ngày càng nhiều không tự giải quyết được, chị H cùng con đi làm ăn xa, ly thân với anh T từ đó đến nay không sống chung. Vợ

chồng không còn tình cảm, sống với nhau không hạnh phúc nên quyết định nộp đơn ly hôn.

Nay chị **H** yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết cho chị **H** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**.

- Về con chung: chị **H** với anh **T** có 01 con chung tên **Nguyễn Thị Tố Q**, sinh ngày 24/7/2011. Hiện nay, con đang sống với mẹ. Khi ly hôn, chị **H** yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên **Nguyễn Thị Tố Q**, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **2. Bị đơn anh Nguyễn Văn T:**

Đối với bị đơn anh **Nguyễn Văn T** đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

\* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Giấy căn cước công dân **Nguyễn Thị H** (bản photo);
- Giấy khai sinh tên **Nguyễn Thị Tố Q**, sinh ngày 24/7/2011 (bản sao);
- Trích lục kết hôn **Nguyễn Thị H** – **Nguyễn Văn T** (bản sao);
- Đơn đề nghị hòa giải và xét xử vắng mặt của chị **H** (bản chính).

Các tài liệu trong hồ sơ chị **H** đều thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp và công khai chứng cứ cho anh **Nguyễn Văn T** được biết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị H** về việc yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại **xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Chị **Nguyễn Thị H** có đơn đề nghị Tòa án xin xét xử vắng mặt vì lý do đi làm xa, không sắp xếp được thời gian tham gia phiên tòa. Anh **Nguyễn Văn T** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng

dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T được mai mối, gia đình đồng ý cho tiến đến hôn nhân. Vợ chồng chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận kết hôn số 37/2010 cấp ngày 01 tháng 3 năm 2010 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị H và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T không quan tâm, chăm sóc cho vợ con mà còn ghen tuông, chị H không chịu đựng nổi, mâu thuẫn ngày càng nhiều không tự giải quyết được, chị H cùng con đi làm ăn xa. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Chị H không còn tình cảm với anh T, sống với nhau không hạnh phúc nên quyết định nộp đơn ly hôn. Về phía anh T là bị đơn đã được đã tổng đạt hợp lệ các thông báo của tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do cũng như không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ nhận định anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 24/7/2011. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Tố Q, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung hiện đang sống với chị H và tại bản tự khai cháu T1 Q có nguyện vọng được sống với chị H nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của cháu Q, để cháu Q tiếp tục chung sống với chị H là phù hợp nên chấp nhận. Anh T cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì đối với nội dung con chung và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Tố Q.

Về cấp dưỡng nuôi con chị H không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, riêng anh T không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008784 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị H**.

- Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**.

- Về con chung: Chị **Nguyễn Thị H** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Thị Tố Q**, sinh ngày 24/7/2011. Anh **Nguyễn Văn T** không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị **H** không yêu cầu.

Anh **Nguyễn Văn T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **H** đã nộp theo biên lai số 0008784 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị **H** đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Nguyễn Văn T** (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS HCL;
- UBND xã Phương Thịnh;
- Lưu (Y).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Nhã Uyên**